

BÁO CÁO

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến
dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông
về hoạt động viễn thông công ích**

Triển khai thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị định với những nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Mục đích rà soát

Rà soát, xem xét, đối chiếu, đánh giá toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành, cấp có thẩm quyền ban hành, còn hiệu lực và có quy định liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm các nội dung dự thảo Nghị định đồng bộ và thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, việc rà soát cũng nhằm phát hiện các nội dung bị bỏ sót, các quy định chưa phù hợp, chưa thống nhất, chồng chéo với dự thảo Nghị định, từ đó, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp.

2. Phạm vi rà soát

Các văn bản quy phạm pháp luật từ cấp Thông tư trở lên điều chỉnh các nội dung liên quan đến lĩnh vực viễn thông và các pháp luật chuyên ngành mà Nghị định này có nội dung quy định.

3. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp lựa chọn văn bản để rà soát:

- Các văn bản được sử dụng làm căn cứ để xây dựng Nghị định.
- Các văn bản có nội dung liên quan đến các vấn đề mà Nghị định điều chỉnh.

b) Phương pháp phân tích, so sánh:

Trên cơ sở hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành, hoạt động phân tích nội dung quy định hiện hành đã được thực hiện; đồng thời so sánh với quy định của Hiến pháp, bộ luật, luật và các văn bản liên quan, xác định tính hợp lý hay không hợp lý của các quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan đến dự thảo Nghị định và đề xuất phương án xử lý.

II. RÀ SOÁT QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên được ban hành đến ngày 15/3/2024 còn hiệu lực và có liên quan tới phạm vi rà soát, gồm:

- Luật, Bộ luật: 21 văn bản;
- Nghị định của Chính phủ: 8 văn bản;
- Thông tư của Bộ trưởng: 5 văn bản;

(Danh mục Luật, Nghị định, Thông tư, Thông tư liên tịch có liên quan đến dự thảo Nghị định trong Phụ lục I kèm theo)

2. Tổng số văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo: 0 văn bản

3. Tổng số văn bản có nội dung điều chỉnh liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định nhưng không còn phù hợp với thực tiễn: 03 Nghị định (Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông, Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016, Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017) do Luật Viễn thông năm 2023 thay thế Luật Viễn thông 2009.

III. RÀ SOÁT CÁC NỘI DUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SO VỚI CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH

Trên cơ sở nội dung dự thảo Nghị định đã đối chiếu với các quy định hiện hành tại các văn bản quy phạm còn hiệu lực do các cấp thẩm quyền khác nhau ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực viễn thông công ích và nội dung dự thảo Nghị định, kết quả rà soát cụ thể như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo

- Dự thảo Nghị định quy định chi tiết các nội dung mà Luật Viễn thông 2023 giao Chính phủ hướng dẫn đối với hoạt động viễn thông công ích tại khoản 1, 2 Điều 32 bao gồm (1) phương thức thực hiện hoạt động viễn thông công ích và (2) cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

- Quy định về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định không chồng chéo với các luật như Bộ luật Dân sự, Luật Viễn thông, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Cạnh tranh, Luật Giá, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Công nghệ thông tin, Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Về các nội dung quy định trong dự thảo

- Việc sử dụng các thuật ngữ trong Nghị định này phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như Bộ luật Dân sự, Luật Viễn thông, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Cảnh tranh, Luật Giá, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Công nghệ thông tin...

- Các điều khoản, nội dung quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định rà soát đều tương thích, không chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản hiện hành cụ thể ở những nội dung sau:

+ Đối với Luật Viễn thông: các nội dung trong dự thảo Nghị định tuân thủ, cụ thể hóa các yêu cầu được giao trong Luật Viễn thông, thống nhất, không mâu thuẫn xung đột với Luật Viễn thông.

+ Đối với pháp luật về xây dựng: dự thảo Nghị định có các nội dung liên quan về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng những nội dung được pháp luật về xây dựng điều chỉnh tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Các nội dung này trong dự thảo Nghị định không có mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định tại Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng.

+ Đối với pháp luật về Đấu thầu: dự thảo Nghị định có áp dụng 2 nội dung mới để áp dụng đối với trường hợp đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích: (1) điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định cơ quan mua sắm không phải lập, phê duyệt dự toán, nhưng vẫn xây dựng được gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức đấu thầu; (2) khoản 6 Điều 64 Luật Đấu thầu năm 2023, khoản 6 Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra. Ngoài ra, các nội dung về pháp luật Đấu thầu cũng được áp dụng để quy định đối với đấu thầu cung cấp thiết bị đầu cuối. Các nội dung trong dự thảo Nghị định tuân thủ, không mâu thuẫn, không chồng chéo với Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.

+ Đối với Luật Ngân sách nhà nước: các nội dung trong dự thảo Nghị định hướng dẫn các hoạt động tài chính từ nguồn Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, không có nguồn gốc ngân sách nhà nước. Các nội dung trong dự thảo Nghị định không có xung đột, chồng chéo, mâu thuẫn với Luật ngân sách nhà nước.

+ Đối với các văn bản pháp luật có quy định các nội dung về dịch vụ công: Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, đánh giá Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 (quy định về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên): dự thảo Nghị định có nghiên cứu, vận dụng các quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP và có bổ sung các điều kiện, quy định đặc thù trong lĩnh vực viễn thông công ích, sử dụng nguồn không thuộc ngân sách nhà nước, để quy định chi

tiết cho phù hợp và khả thi các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Các nội dung trong dự thảo Nghị định không có xung đột, chồng chéo, mâu thuẫn với những quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP.

IV. RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH MỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SO VỚI CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH

Qua rà soát, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy các nội dung lớn, mới trong dự thảo Nghị định đều đảm bảo tính phù hợp, thống nhất, không chồng chéo với các quy định pháp lý của các văn bản pháp luật hiện hành như Bộ luật Dân sự, Luật Viễn thông, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Cạnh tranh, Luật Giá, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Công nghệ thông tin..., cụ thể:

1. Đối với chính sách về phương thức thực hiện hoạt động viễn thông công ích (quy định chi tiết khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông):

Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể cho 3 nội dung:

a) Phương thức thực hiện hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho doanh nghiệp viễn thông gồm có: đấu thầu, giao nhiệm vụ và đặt hàng

Để thực hiện đúng quy định của Luật Viễn thông khi hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là *bù đắp chi phí*, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp (Điều 17 Nghị định):

- Nguyên tắc hỗ trợ chung: *Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn theo chi phí thực tế, nhưng không vượt quá các định mức chi phí do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và phải trừ doanh thu cung cấp dịch vụ tại địa bàn cung cấp dịch vụ.*

- Chi phí hỗ trợ là các chi phí trực tiếp phát sinh tại khu vực, bao gồm: Chi phí khấu hao và chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

a.1) Đối với phương thức đấu thầu:

Với đặc thù của hoạt động viễn thông công ích là được đảm bảo nguồn kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thông qua việc đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông. Nguồn kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông được xác định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khi phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của từng giai đoạn. Đồng thời, việc đầu tư phát triển hạ tầng để cung cấp dịch vụ viễn thông tại các khu vực khó khăn được Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hỗ trợ là đầu tư ở mức tối thiểu để đảm bảo cung cấp dịch vụ (Doanh nghiệp có thể đầu tư ở mức cao hơn để thực hiện việc kinh doanh của doanh nghiệp); do đó, cần có công cụ kiểm soát để đảm bảo bảo mức hỗ trợ từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho các doanh nghiệp ở mức

phù hợp (Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích không hỗ trợ phần đầu tư để thực hiện mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp).

Trên cơ sở rà soát quy định mới của Luật Đấu thầu năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông thấy rằng việc đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có thể áp dụng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP: Cơ quan mua sắm không phải lập, phê duyệt dự toán, nhưng vẫn xây dựng được gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức đấu thầu và áp dụng hình thức *hợp đồng theo kết quả đấu ra* theo quy định tại khoản 6 Điều 64 Luật Đấu thầu năm 2023, khoản 6 Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (là cơ sở kiểm soát kết quả thực hiện và chi phí phát sinh thực tế trong công tác phát triển và duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập).

Với nội dung báo cáo nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng quy định áp dụng đối với trường hợp đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại dự thảo Nghị định như sau:

(i) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông ích thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(ii) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam căn cứ dự toán mua sắm lập, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông dự toán sơ bộ (là số kinh phí ước tính để thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thuộc phạm vi dự toán mua sắm nêu trên). Dự toán sơ bộ được căn cứ vào một trong các căn cứ sau:

- Báo giá của ít nhất một doanh nghiệp theo cấu trúc báo giá do bên mời thầu quy định.

- Mức hỗ trợ doanh nghiệp theo thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập xác định theo nguyên tắc nêu tại điểm a1 nêu trên.

- Số liệu của các công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã được thực hiện trong vùng trước đó.

- Kết hợp các căn cứ nêu trên.

(iii) Căn cứ dự toán sơ bộ hoặc đồng thời với quá trình lập dự toán sơ bộ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Bộ TTTT phê duyệt; trong đó, đối với hợp đồng áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đấu ra.

(iv) Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Quỹ thực hiện tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Các doanh nghiệp trúng thầu tổ chức thực hiện đầu tư công trình theo quy định về đầu tư (khâu này, các doanh nghiệp là chủ đầu tư và tổ chức thực hiện như các dự án khác; Bộ TTTT không tham gia trong quá trình thực hiện đầu tư của doanh nghiệp).

(v) Sau khi công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ hoàn thành, đưa vào sử dụng; các doanh nghiệp trúng thầu thực hiện báo cáo kết quả đầu ra và đề xuất thanh toán. Khi thanh toán doanh nghiệp được thanh toán theo kết quả đầu ra nhưng không vượt định mức chi phí khấu hao, định mức chi phí duy trì do Bộ TTTT ban hành theo nguyên tắc nêu tại điểm a1 nêu trên. Trong đó, báo cáo kết quả đầu ra của doanh nghiệp, ngoài các nội dung báo cáo về đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công trình hạ tầng, thì báo cáo kết quả đầu ra của doanh nghiệp còn bao gồm các nội dung báo cáo về tài chính như sau:

- Báo cáo quyết toán công trình chi tiết theo từng địa điểm đầu tư; trong đó, báo cáo chi tiết giá trị các thành phần cấu thành công trình (Nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian khấu hao còn lại). Đối với các thành phần cấu thành công trình không xác định được giá trị còn lại, thời gian khấu hao còn lại thì giá trị của thành phần này được xác định bằng 0 (không) trong nguyên giá tài sản cố định công trình khi xác định chi phí khấu hao tài sản cố định. Chi phí khấu hao đề nghị thanh toán là chi phí khấu hao thực tế (áp dụng nguyên tắc xác định nguyên giá thành phần đã nêu trên), nhưng không vượt quá định mức chi phí khấu hao do Bộ TTTT ban hành.

- Chi phí duy trì công trình hạ tầng: Theo kết quả đấu thầu, nhưng không vượt quá định mức chi phí duy trì Bộ TTTT ban hành.

- Doanh thu giảm trừ khi xác định mức hỗ trợ là doanh thu phát sinh tại khu vực được xác định theo kết quả đấu thầu.

Như vậy, Quy định dự toán sơ bộ làm căn cứ lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại dự thảo Nghị định này chưa được quy định trong pháp luật về đấu thầu nhưng Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá nội dung này không có xung đột với các quy định về pháp luật đấu thầu.

a.2) Đối với phương thức đặt hàng:

Dự thảo Nghị định quy định việc đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được căn cứ mức hỗ trợ (các doanh nghiệp không phải xây dựng phương án giá như quy định chung tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ). Cụ thể: Doanh nghiệp nhận đặt hàng được hỗ trợ theo mức hỗ trợ xác định theo công thức sau:

Mức hỗ trợ = Chi phí duy trì, vận hành (Theo định mức Bộ TTTT ban hành)

– Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông tại thôn (theo thực tế doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ TTTT).

Dự thảo Nghị định về nội dung này là phù hợp với thực tế của lĩnh vực viễn thông do các doanh nghiệp hiện nay không có đủ cơ sở và không lập được phương án giá cung cấp dịch vụ tại 01 khu vực (01 thôn). Mặt khác, phù hợp với Điều 56 Luật Viễn thông quy định về giá dịch vụ viễn thông bao gồm: (i) Giá dịch vụ viễn thông áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ và (ii) Giá dịch vụ giữa các doanh

nghiệp viễn thông; không có quy định về giá cung cấp dịch vụ cho 01 khu vực (01 thôn).

a.3) Đối với phương thức giao nhiệm vụ:

Dự thảo Nghị định quy định về trường hợp giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện là *cung cấp dịch vụ đến khu vực các đảo, nhà giàn chưa có dịch vụ đến thời điểm triển khai và các trường hợp khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích*.

Khi thực hiện phương thức này, các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ lập phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ và dự toán kinh phí báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt. Doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện và được thanh toán theo thực tế thực hiện.

Nội dung này trong dự thảo Nghị định là phù hợp với thực tế hiện nay, có một số khu vực chỉ có 01 doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (đảo, nhà giàn trên biển) hoặc một số dịch vụ viễn thông bắt buộc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được thực hiện thông qua các dịch vụ viễn thông vệ tinh (VSAT-IP, Inmarsat, ...) các dịch vụ này chỉ có 01 doanh nghiệp thực hiện và không có mâu thuẫn, chồng chéo với các pháp luật hiện hành.

b) Phương thức thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ gồm có: đặt hàng, giao nhiệm vụ và hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông.

Trong 3 phương thức trên thì phương thức đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ như thực tế đã được triển khai trong các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trước đây. Dự thảo Nghị định có thay đổi nội dung là: Giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được ban hành, áp dụng cho cả giai đoạn (Chương trình) và chỉ điều chỉnh khi có biến động lớn về các yếu tố hình thành giá hoặc có sự biến động lớn về nhu cầu sử dụng dịch vụ, thay đổi về yêu cầu chất lượng dịch vụ. Đồng thời, trên cơ sở thực tế triển khai các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước, tại dự thảo Nghị định bổ sung quy định về quy trình xác nhận, hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; trong đó, quy định trách nhiệm xác nhận đối tượng được nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích là Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ

Phương thức giao nhiệm vụ và hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông chưa được thực hiện trước đây. Dự thảo Nghị định quy định chỉ áp dụng phương thức giao nhiệm vụ đối với trường hợp các dịch vụ chưa được cấp có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ và mức hỗ trợ. Phương thức hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ được dự thảo Nghị định quy định các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ phải có tài khoản để tiếp nhận kinh phí hỗ trợ; đồng thời Bộ

Thông tin và Truyền thông đề xuất quy định một số nguyên tắc cơ bản, điều kiện để thực hiện phương thức này. Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng phương thức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

Các nội dung mới nêu trên được đề xuất trong dự thảo Nghị định được Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, đánh giá là tuân thủ, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn với pháp luật hiện hành.

c) Phương thức thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ gồm có: đấu thầu, giao nhiệm vụ, hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

Phương thức đấu thầu trong trường hợp hỗ trợ thiết bị đầu cuối được dự thảo Nghị định quy định tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.

Phương thức giao nhiệm vụ trong trường hợp thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối với hình thức bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ. Khi đó, Bộ Thông tin và Truyền thông giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ bằng tiền cho các đối tượng được hỗ trợ theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức hỗ trợ được cấp có thẩm quyền ban hành.

Phương thức hỗ trợ trực tiếp thiết bị đầu cuối chưa được thực hiện trước đây. Dự thảo Nghị định quy định phương thức này trong trường hợp hỗ trợ thiết bị đầu cuối với hình thức hỗ trợ bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ và đối tượng có tài khoản để tiếp nhận kinh phí hỗ trợ.

Các nội dung mới nêu trên được đề xuất trong dự thảo Nghị định được Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, đánh giá là tuân thủ, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn với pháp luật hiện hành.

2. Đối với chính sách về quản lý tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích (quy định chi tiết khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông)

Dự thảo Nghị định quy định cụ thể cho 3 nội dung:

a) Quy định về mức đóng góp tối đa, đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Trong nội dung này của dự thảo Nghị định, các trường hợp miễn, giảm đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lần đầu được quy định. Nội dung này được đề xuất trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, tham khảo chính sách miễn, giảm thuế hiện hành của Nhà nước và mục tiêu hình thành Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích; đồng thời, để phù hợp với thực tế giấy phép được cấp (thường có thời hạn 10 năm) và thời gian tối đa mà doanh nghiệp triển khai hoàn thiện hệ thống để cung cấp dịch vụ khoảng 02 năm.

b) Việc quản lý, sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho hoạt động viễn thông công ích

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết 4 nội dung sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam: (1) quy định chi tiết mục đích sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; (2) quy định chi tiết việc sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Nam cho hoạt động hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; (3) quy định chi tiết việc sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Nam cho hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối và các nhiệm vụ khác để thực hiện hoạt động viễn thông công ích và (4) quy định chi tiết cơ chế tài chính để quản lý Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

c) Quy định về thời hạn hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo tính ổn định, liên tục của chính sách về viễn thông công ích thông qua các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Các nội dung mới nêu trên được đề xuất trong dự thảo Nghị định được Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, đánh giá là tuân thủ, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn với pháp luật hiện hành.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ đánh giá kết quả rà soát tại Phần III, IV của báo cáo, Bộ Thông tin và Truyền thông có kiến nghị, đề xuất như sau:

Nội dung dự thảo Nghị định đảm bảo tính phù hợp và thống nhất với các quy định pháp lý của các văn bản pháp luật hiện hành, Bộ Thông tin và Truyền thông kiến nghị Chính phủ xem xét ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích.

Trên đây là báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị định./

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Vụ PC;
- Cục Viễn thông;
- Quỹ Dịch vụ VTCI Việt Nam;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC LUẬT, NGHỊ ĐỊNH, THÔNG TƯ ĐÃ RÀ SOÁT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ VIỆN THÔNG CÔNG ÍCH
(Kèm theo Báo cáo số/BC-BTTTT ngày /6/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
I. LUẬT, BỘ LUẬT				
1.	Luật	80/2015/QH13 ngày 22/06/2015	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/07/2016
2.	Luật	76/2015/QH13 ngày 19/06/2015	Luật Tổ chức Chính phủ	01/01/2016
3.	Luật	77/2015/QH13 ngày 19/06/2015	Luật Tổ chức chính quyền địa phương	01/01/2016
4.	Luật	57/2014/QH13 ngày 20/11/2014	Luật Tổ chức Quốc hội	01/01/2016
5.	Pháp lệnh	02/2020/UBTVQH14 ngày 9/12/2020	Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	01/07/2021
6.	Luật	22/2023/QH15 ngày 23/6/2023	Luật Đấu thầu	01/01/2024
7.	Luật	62/2020/QH14 ngày 17/06/2020	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng	01/01/2021
8.	Luật	24/2023/QH15 ngày 24/11/2023	Luật Viễn thông	01/7/2024
9.	Luật	59/2020/QH14 ngày 17/06/2020	Luật Doanh nghiệp	01/01/2021
10.	Luật	50/2014/QH13 ngày 18/06/2014	Luật Xây dựng	01/01/2015
11.	Luật	91/2015/QH13 ngày 24/11/2015	Luật dân sự	24/11/2015
12.	Luật	61/2020/QH14 ngày 17/6/2020	Luật Đầu tư	17/6/2020
13.	Luật	16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020	Luật Quy hoạch	15/7/2020
14.	Luật	15/2017/QH14 ngày 21/06/2017	Luật Quản lý và sử dụng tài sản công	21/06/2017

15.	Luật	86/2015/QH13 ngày 19/11/2015	Luật An toàn Thông tin mạng	19/11/2015
16.	Luật	24/2018/QH14 ngày 12/6/2018	Luật An ninh mạng	12/6/2018
17.	Luật	23/2018/QH14 ngày 12/6/ 2018	Luật Cạnh tranh	12/6/ 2018
18.	Luật	17/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019	Luật Thương mại	05/7/2019
19.	Luật	07/2022/QH15 ngày 16/6/2022	Luật Sở hữu trí tuệ	16/6/2022
20.	Luật	19/2023/QH15 ngày 20/6/2023	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dung	20/6/2023
21.	Luật	10/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017	Luật Công nghệ thông tin	12/12/2017
II. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ				
1.	Nghị định	48/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022	Nghị định số quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông	26/7/2022
2.	Nghị định	118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính	01/01/2022
3.	Nghị định	154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020	Sửa Nghị định 34/2016 hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/01/2021
4.	Nghị định	26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020	Hướng dẫn Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước	01/07/2020
5.	Nghị định	34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016	Hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/07/2016
6.	Nghị định	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP	Nghị định về qui định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	1/6/2019
7.	Nghị định	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	27/2/2024
8.	Nghị định	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023	Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	20/6/2023
III. THÔNG TƯ				
1.	Thông tư	15/2023/TT-BTTTT ngày 10/3/2023	Thông tư của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thu, nộp và hoạch toán các khoản đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	10/3/2023

2.	Thông tư	02/2023/TT-BTTTT ngày 21/3/2023	Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông	01/6/2023
3.	Thông tư	07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021	Quy định ban hành thông cáo báo chí về VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành	01/01/2022
4.	Thông tư	83/2019/TT-BTC ngày 21/11/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 57/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và hạch toán các khoản đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và việc chuyển giao tài sản hình thành từ nguồn kinh phí của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đến năm 2020	06/01/2020
5	Thông tư	14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022	Qui định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng thực hiện Chương trình cung cấp dịch viễn thông công ích đến năm 2025	28/10/2022

PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ RÀ SOÁT NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆN THÔNG CÔNG ÍCH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTTTT ngày /6/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Nhóm quy định	Nội dung trong các văn bản qui phạm pháp luật	Nội dung trong dự thảo Nghị định	Đánh giá
I	Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích			
1	Đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	Trên cơ sở rà soát quy định mới của Luật Đấu thầu năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông thấy rằng việc đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có thể áp dụng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP: Cơ quan mua sắm không phải lập, phê duyệt dự toán, nhưng vẫn xây dựng được gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức đấu thầu và áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đấu ra theo quy định tại khoản 6 Điều 64 Luật Đấu thầu năm 2023, khoản 6 Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP	(i) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông ích thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. (ii) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam căn cứ dự toán mua sắm lập, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông dự toán sơ bộ (là số kinh phí ước tính để thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thuộc phạm vi dự toán mua sắm nêu trên). Dự toán sơ bộ được căn cứ vào một trong các căn cứ sau: - Báo giá của ít nhất một doanh nghiệp theo cấu trúc báo giá do bên mời thầu quy định. - Mức hỗ trợ doanh nghiệp theo thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập xác định theo nguyên tắc nêu tại điểm a1 nêu trên. - Số liệu của các công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã được thực hiện trong vùng trước đó. - Kết hợp các căn cứ qui định ở trên	Phù hợp với qui định mới của Luật đấu thầu
2	Đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ theo đó, một trong các điều kiện để thực hiện đặt hàng là phải có giá dịch vụ.	- Thực tế của lĩnh vực viễn thông là các doanh nghiệp hiện nay không có đủ cơ sở và không lập được phương án giá cung cấp dịch vụ tại 01 khu vực (01 thôn). Mặt khác, Điều 56 Luật Viễn thông quy định về giá dịch vụ viễn thông bao gồm: (i) Giá dịch vụ viễn thông áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ và (ii) Giá dịch vụ giữa	Không trái với qui định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019

			các doanh nghiệp viễn thông; không có quy định về giá cung cấp dịch vụ cho 01 khu vực (01 thôn). - Đề giải quyết tồn tại, vướng mắc tồn tại nêu trên và đảm bảo phù hợp với đặc thù của lĩnh vực viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất quy định dự thảo Nghị định việc đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được căn cứ mức hỗ trợ (các doanh nghiệp không phải xây dựng phương án giá như quy định chung tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ). Cụ thể: Doanh nghiệp nhận đặt hàng được hỗ trợ theo mức hỗ trợ xác định theo công thức sau: - Mức hỗ trợ = Chi phí duy trì, vận hành (Theo định mức Bộ TTTT ban hành) – Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông tại thôn (theo thực tế doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ TTTT).	
3	Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		Hiện nay, có một số khu vực chỉ có 01 doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (đảo, nhà giàn trên biển) hoặc một số dịch vụ viễn thông bắt buộc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được thực hiện thông qua các dịch vụ viễn thông vệ tinh (VSAT-IP, Inmarsat, ...) các dịch vụ này chỉ có 01 doanh nghiệp thực hiện. Do vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất quy định tại dự thảo Nghị định về trường hợp giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện là cung cấp dịch vụ đến khu vực các đảo, nhà giàn chưa có dịch vụ đến thời điểm triển khai và các trường hợp khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.	Không trái với qui định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019
II	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích			
1	Đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông	Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật số 24/2023/QH15	- Quy định phương thức đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ như thực tế đã triển khai các chương trình trước đây.	Đúng với qui định của Luật Viễn thông

2	Giao nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật số 24/2023/QH15	- Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp; - Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông;	Đúng với qui định của Luật Viễn thông
			- Chỉ thay đổi nội dung là: Giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được ban hành, áp dụng cho cả giai đoạn (Chương trình) và chỉ điều chỉnh khi có biến động lớn về các yếu tố hình thành giá hoặc có sự biến động lớn về nhu cầu sử dụng dịch vụ, thay đổi về yêu cầu chất lượng dịch vụ. Việc thay đổi nội dung này nhằm giải quyết khó khăn hiện nay là giá dịch vụ và mức hỗ trợ đối tượng được lắp và ban hành hàng năm gây phát sinh nhiều thủ tục, tốn thời gian, công sức không cần thiết trong quá trình thực hiện đặt hàng. - Tái dự thảo Nghị định bổ sung quy định về quy trình xác nhận, hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; trong đó, quy định tách nhiệm xác nhận đối tượng được nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích là Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (đối với các dịch vụ viễn thông phổ cập hỗ trợ đến các đối tượng đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định tại Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn) để đảm bảo sự phối hợp của địa phương trong việc quản lý các đối tượng được hỗ trợ và phù hợp với trách nhiệm của địa phương trong việc công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, cũng như xác nhận các đối tượng khác được thụ hưởng chính sách về viễn thông công ích theo quy định của pháp luật hiện hành.	

			trợ theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức hỗ trợ được cấp có thẩm quyền ban hành	
IV	Nguồn tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích			
1	Mức đóng góp tối đa vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Khoản 2 Điều 32 Điều Luật số 24/2023/QH15	Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất quy định mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tối đa là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông.	Đúng với qui định của Luật Viễn thông
2	Đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Khoản 2 Điều 32 Điều Luật số 24/2023/QH15	Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất vận dụng chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp công nghệ cao về mức miễn, giảm để thực hiện miễn, giảm cho các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng mới tham gia thị trường. Cụ thể: (i) Miễn đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam góp 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp phép đối với các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng được cấp phép lần đầu. (ii) Giảm 50% mức đóng góp trong 01 (một) năm tiếp theo kể từ ngày hết thời hạn miễn đối với các doanh nghiệp được miễn đóng góp theo quy định nêu trên. (iii) Các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng được cấp phép lần đầu trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được áp dụng chính sách miễn, giảm đóng góp theo quy định tại Nghị định.	Đúng với qui định của Luật Viễn thông
3	Mục đích sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho hoạt động viễn thông công ích	Khoản 1 Điều 32 Điều Luật số 24/2023/QH15	Chi hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Chi hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; Chi hỗ trợ thiết bị đầu cuối; Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động viễn thông công ích theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn; Chi hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Đúng với qui định của Luật Viễn thông
4	Quy định về thời hạn hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo tính	Khoản 2 Điều 32 Điều Luật số 24/2023/QH15 đã giao Chính phủ quy định chi tiết “thời hạn	+ <i>Thời hạn hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích</i> - Đối với các trường hợp doanh nghiệp đầu tư phát triển mới hạ tầng để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại	Đúng với qui định của Luật Viễn thông

	ổn định, liên tục của chính sách về viễn thông công ích thông qua các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:	hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đảm bảo tính ổn định, liên tục thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích”.	các khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập thông qua đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ được hỗ trợ 05 năm liên tục kể từ tháng tiếp theo tháng đưa công trình vào cung cấp dịch vụ. Trường hợp thời gian còn lại của Chương trình không đủ 05 năm thì thời gian chưa được hỗ trợ tiếp tục được bố trí kinh phí để chuyển tiếp sang thực hiện trong Chương trình giai đoạn tiếp theo với mức hỗ trợ đã áp dụng của Chương trình giai đoạn trước. Hết thời gian hỗ trợ 05 năm, doanh nghiệp tiếp tục được tiếp tục hỗ trợ chi phí duy trì (không hỗ trợ chi phí khấu hao tài sản cố định) tại các khu vực này cho đến hết thời gian thực hiện Chương trình của giai đoạn hiện tại. - Đối với các trường hợp đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: Thời gian hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng tính từ thời điểm được hỗ trợ theo hợp đồng đặt hàng đến khi kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Doanh nghiệp viễn thông tiếp tục được hỗ trợ từ năm đầu tiên của Chương trình tiếp theo nếu vẫn thuộc đối tượng được hỗ trợ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tiếp theo. + <i>Thời hạn hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích</i> - Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập được hỗ trợ kể từ tháng được cung cấp dịch vụ cho đến hết năm dương lịch. - Trường hợp năm tiếp theo, các đối tượng đang được hỗ trợ năm trước liền kề chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp tục hỗ trợ không quá 03 tháng của năm tiếp theo. - Trường hợp kết thúc Chương trình giai đoạn trước, các đối tượng đang được hỗ trợ của Chương trình khi được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp	
--	---	--	--	--

			tục duy trì hỗ trợ cho đến khi Chương trình giai đoạn mới thực hiện.	
5	Lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023	+ Lập dự toán: - Dự toán hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập - Dự toán hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích - Dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối - Dự toán thực hiện các nhiệm vụ khác + Thực hiện dự toán: - Đối với hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phổ cập theo phương thức đấu thầu số lần tạm ứng không quá 2 lần: lần đầu sau khi ký hợp đồng, lần tạm ứng 2 sau khi cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập. Mỗi lần tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng của năm tạm ứng. - Đối với trường hợp đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: tạm ứng 02 lần/năm. Mỗi lần tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng của năm - Đối với trường hợp giao nhiệm vụ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập số lần tạm ứng trong thời gian doanh nghiệp chưa cung cấp dịch vụ không quá 2 lần: lần đầu sau khi ký hợp đồng với mức không quá 30% giá trị hợp đồng của năm, lần tạm ứng 2 sau khi cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập. Tổng mức tạm ứng không quá 30% giá trị hợp đồng. - Đối với hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích: Thực hiện 6 tháng/01 lần. lần tạm ứng đầu tiên sau khi doanh nghiệp có báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm, mức tạm ứng bằng 30% báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đó. Các lần tạm ứng tiếp theo, mức tạm ứng bằng giá trị thực hiện 06 tháng trước liền kề nhưng không quá 30% giá trị hợp đồng của năm	Tạm ứng, thanh toán theo đúng Nghị định

			- Trường hợp thực hiện các hợp đồng khác: Mức tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng. Lần tạm ứng tiếp theo phải tính cả số kinh phí tạm ứng còn lại của lần tạm ứng trước sau khi nghiệm thu giá trị dịch vụ doanh nghiệp đã thực hiện + Quyết toán: - Kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động viễn thông công ích được quyết toán hàng năm theo khối lượng đã nghiệm thu hàng năm Trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ, hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền: căn cứ quyết taosn là chứng từ chuyển tiền của Quỹ vào tài khoản của đối tượng được hỗ trợ.	
V	Các quy định về chuyển tiếp		a) Đối với các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông: Theo quy định tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg (Điểm b khoản 3 mục III Điều 1) thì đối với trường hợp này sẽ thực hiện phương thức đặt hàng doanh nghiệp do không triển khai xây dựng được phương án giá cung cấp dịch vụ cho 01 thôn, nên đến nay mặc dù các doanh nghiệp đã triển khai đầu tư hạ tầng và cung cấp dịch vụ cho người dân, nhưng vẫn chưa thực hiện hỗ trợ được chi phí cho doanh nghiệp. Để hỗ trợ một phần chi phí cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp và đảm bảo tính ổn định, Bộ TTTT đề xuất quy định chuyển tiếp đối với trường hợp này như sau: “Đối với các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông phổ cập theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được áp dụng phương thức giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định này và được hỗ trợ đủ 5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Hết thời hạn	

			trên, doanh nghiệp tiếp tục được hỗ trợ theo phương thức đặt hàng nếu vẫn thuộc đối tượng của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tiếp theo”. b) Tại điểm c khoản 5 Mục III Điều 1 Quyết định số 2269/QĐ-TTg quy định: Giao kế hoạch cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong trường hợp không lựa chọn được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo phương thức đấu thầu, đặt hàng. Việc quy định giao kế hoạch tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg được căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật Viễn thông năm 2009. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông năm 2023, thì chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ngoài việc thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng. còn được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ. Để đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện chính sách, Bộ TTTT đề xuất quy định chuyển tiếp đối với trường hợp này như sau: “Phương thức giao kế hoạch trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được áp dụng phương thức giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định này”.	
--	--	--	---	--